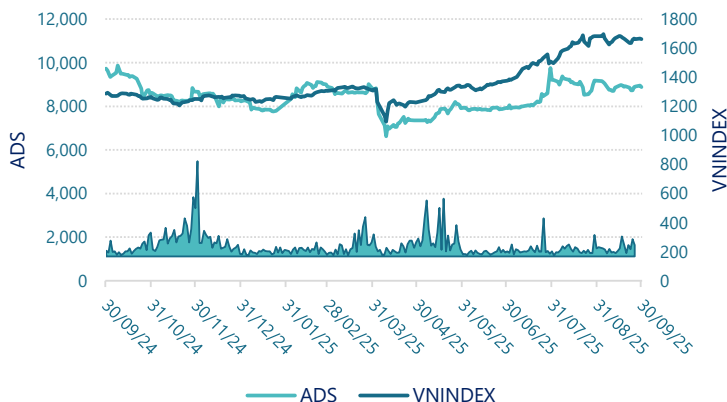




CTCP Damsan (HSX: ADS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,880
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,867
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,625
SL cổ phiếu LH	76,394,727
KLGD BQ 20 phiên (CP)	109,070
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	678
P/E	7.4
EPS	1,199

DT thuần

Q3/25

430

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.0 | -3.5%

YoY: ▲ 64.0 | 17.6%

LN sau thuế

Q3/25

26.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.30 | -13.9%

YoY: ▲ 18.1 | 217%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

7.0%

+/- YoY: ▲ 4.6%

DT thuần

9T 2025

1,232

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 85.0 | 7.5%

LN sau thuế

9T 2025

71.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 47.6 | 203%

ROE

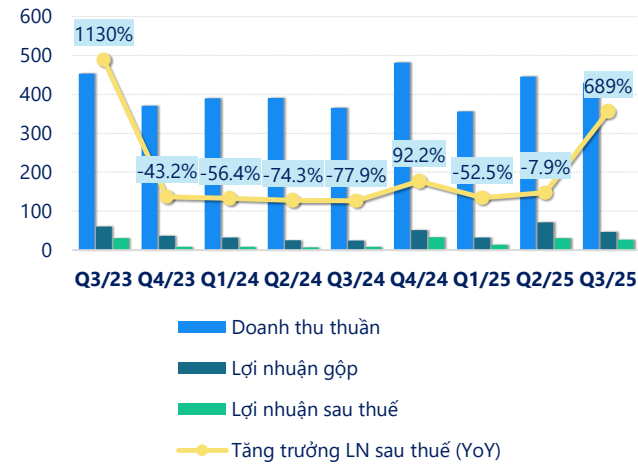
Q3/25

9.6%

+/- YoY: ▲ 6.3%

tỷ VNĐ

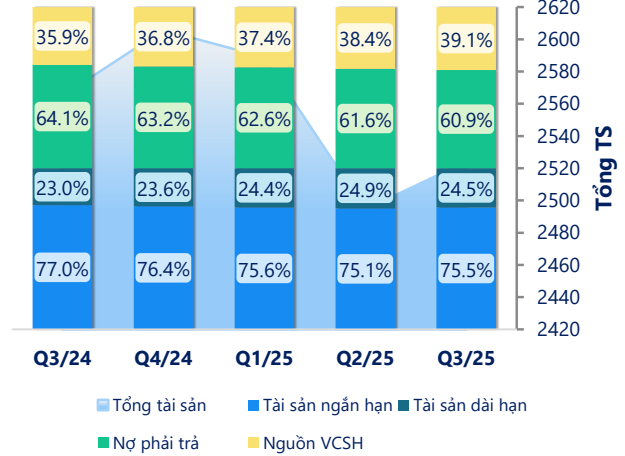
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

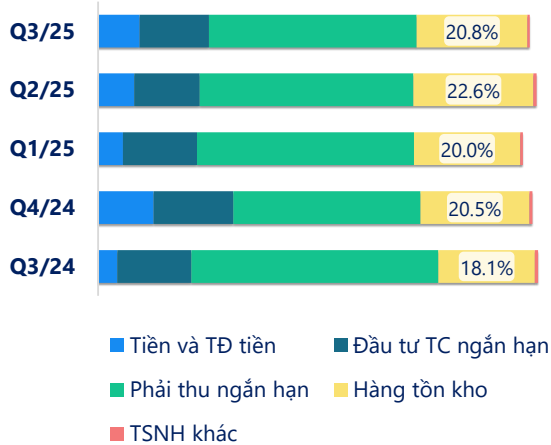
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



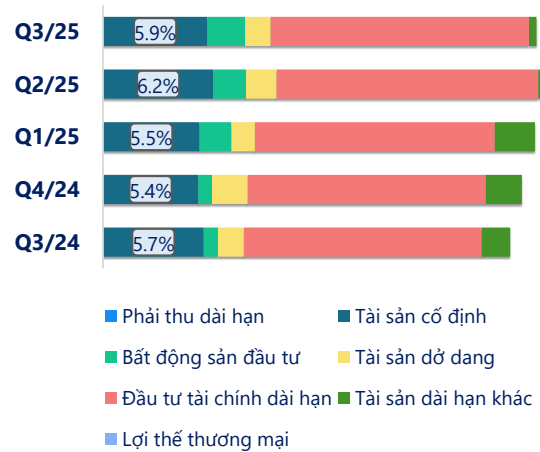
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

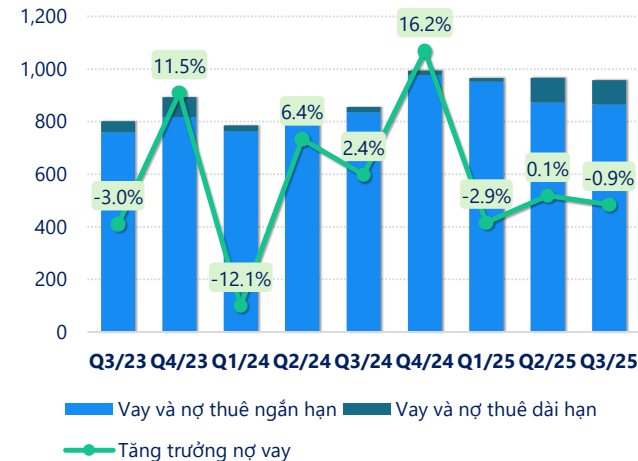
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

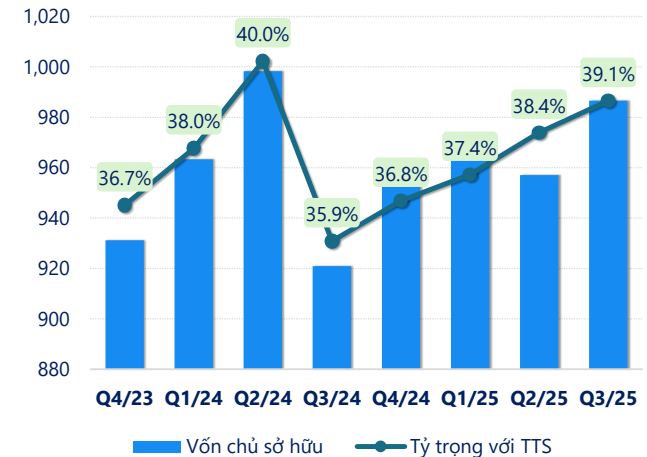
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

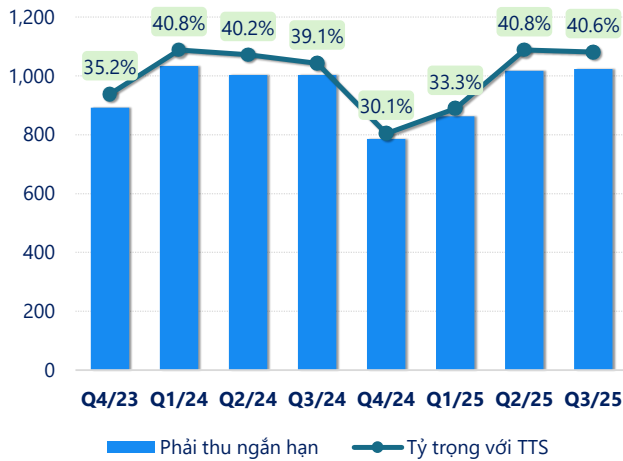
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



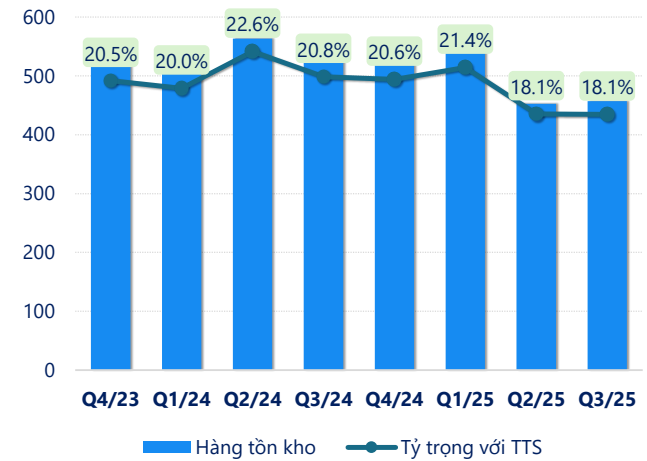
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


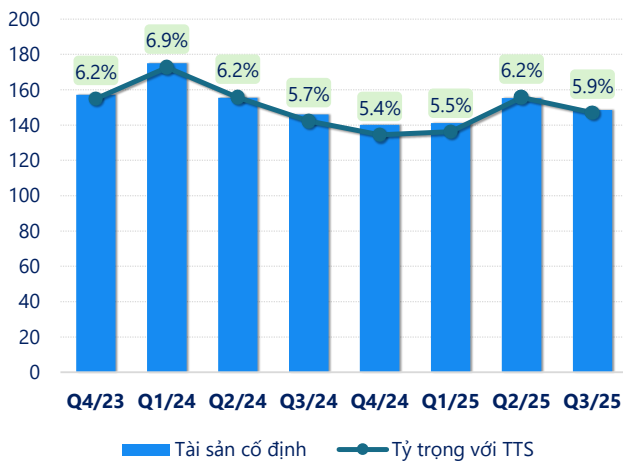
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


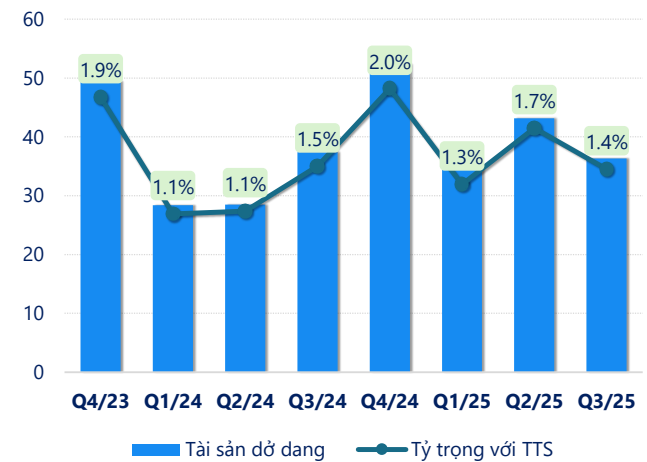
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

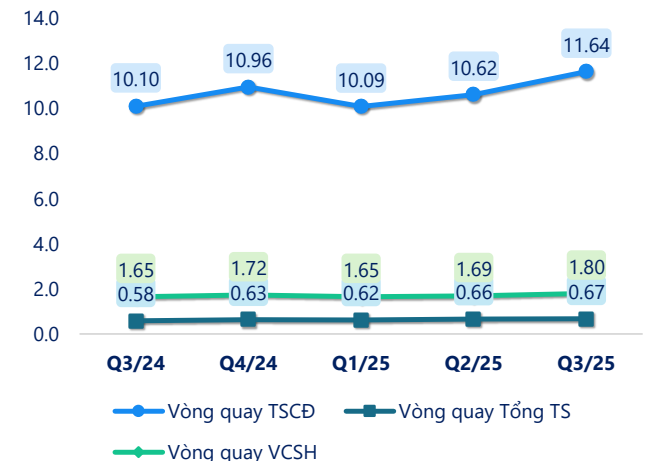
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,565	2,606	2,589	2,495	2,524
Tài sản ngắn hạn	1,975	1,990	1,958	1,873	1,907
Tiền và tương đương tiền	92.8	272	121	169	197
Đầu tư tài chính ngắn hạn	335	377	393	210	196
Phải thu ngắn hạn	1,003	786	863	1,017	1,024
Hàng tồn kho	533	536	555	452	457
Tài sản ngắn hạn khác	12.2	19.3	26.6	23.4	33.6
Tài sản dài hạn	589	616	631	622	617
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	146	140	141	155	149
Bất động sản đầu tư	20.6	20.4	46.3	45.8	54.0
Tài sản dở dang	37.4	52.3	34.4	43.1	36.3
Đầu tư tài chính dài hạn	344	350	350	368	368
Tài sản dài hạn khác	41.4	53.2	58.9	9.46	10.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,644	1,646	1,620	1,537	1,537
Nợ ngắn hạn	1,604	1,608	1,583	1,419	1,420
Vay và nợ thuê ngắn hạn	835	975	952	873	865
Phải trả người bán ngắn hạn	41.7	85.1	71.6	88.6	62.2
Nợ dài hạn	40.1	38.1	37.5	118	117
Vay và nợ thuê dài hạn	20.3	18.3	13.2	93.6	92.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	921	960	969	957	987
Vốn chủ sở hữu	921	960	969	957	987
Vốn điều lệ	764	764	764	764	764
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)